TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2018/HS-ST
Ngày 27/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Bà Trần Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vĩnh Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 179/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018, theo quyết đinh đưa ra xét xử số 182/2018/QĐXXST - HS ngày 14/6/2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị V, sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: YS, xã Đ, huyện C, Thành phố Hà Nội; Tạm trú: 263 B8 , phường T, quận HM, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa:12/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Lê Đức T và bà Phạm Thị T; bị cáo có chồng là Nguyễn Ngọc L (Đã ly hôn), có 02 con sinh năm 2004 và 2011; Tiền án, tiền sự: Không. Bắt quả tang ngày 27/12/2016; Bị cáo không bị giam giữ, hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

2. Nguyễn Đức Th, sinh năm 1963; Nơi thường trú: Tổ 4, phường T, quận HM, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Hoàng Thị T; bị cáo có vợ là

Nguyễn Thị Th, bị cáo có 02 con sinh năm 1992 và 1996; Tiền án, tiền sự: Không. Bắt quả tang ngày 27/12/2016; Bị cáo không bị giam giữ, hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị V bắt đầu bán số lô, đề cho khách từ ngày 25/12/2016 tại số 156 Nguyễn Đ, phường TM, quận HM, Thành phố Hà Nội rồi sau đó chuyển bảng cáp lô, đề cho đối tượng Tuấn (V không rõ nhân thân, lai lịch của Tuấn) để hưởng tiền chênh lệch. Tuấn thỏa thuận với V về cách thức thanh toán và tỷ lệ hưởng hoa hồng của V như sau: Hàng ngày, Tuấn sẽ trực tiếp đến nơi V bán sổ số điện toán để thu bảng cáp lô đề và thanh toán tiền khách được thua của ngày hôm trước. Với số đề, V được hưởng số tiền tương đương 26% trên tổng số tiền đề bán được. Với mỗi điểm lô, V được hưởng 500 đồng trên 01 điểm. Với lô xiên, V được hưởng số tiền tương đương 35% trên tổng số tiền lô xiên bán được.

Đối với khách chơi bạc dưới hình thức chơi lô đề, V thỏa thuận cách chơi và hình thức thanh toán như sau: Kết quả trúng thưởng được căn cứ theo kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày, với số lô thì lấy hai số cuối của tất cả các giải mở thưởng, với số đề thì lấy hai số cuối của giải đặc biệt, với số lô xiên 2 hoặc 3 thì lấy hai hoặc ba số lô mà khách chọn để làm căn cứ trúng thưởng. V thỏa thuận về tỷ lệ được thua với khách chơi bạc là: Đối với đề, V chỉ thu của khách 80% số tiền thực tế khách chơi. Nếu trúng thưởng thì V sẽ thanh toán cho khách gấp 70 lần trên tổng số tiền khách thực mua; Đối với lô, V thu 22.000 đồng trên 01 điểm lô. Nếu trúng thưởng khách được hưởng 80.000 đồng trên 01 điểm lô; Đối với lô xiên 2 nếu trúng thưởng khách được trả gấp 10 lần số tiền thực mua còn lô xiên 3 khách được hưởng gấp 40 lần. Việc thanh toán tiền thắng thua sẽ được V thanh toán vào ngày hôm sau.

Do ngày 25/12/2016, V mới bán nên không có khách chơi. Ngày 26/12/2016, V bán lô đề cho khoảng 05 người, sau đó đã chuyển bảng và được Tuấn thanh toán cho số tiền công khoảng 60.000 đồng, số tiền này V đã tiêu sài hết. Đối với bảng cáp ngày 26/12/2016 V đã hủy.

Khoảng 17h ngày 27/12/2016, Nguyễn Đức Th đến mua lô, đề của V, khi V thỏa thuận xong và ghi tích kê lô đề gồm: 04 số lô 86,68,85,58 mỗi số 100 điển tương đương số tiền 8.800.000 đồng; 02 số đề 86,68 mỗi số 110.000 đồng (V chỉ thu của khách 200.000 đồng); 01 số lô xiên 3 là 86-68-85 với số tiền là 100.000

đồng tương đương 9.100.000 đồng rồi đưa cho Th nhưng chưa kịp thu tiền của Thắng thì bị Công an bắt giữ.

- Thu giữ của Lê Thị V:

+ Thu giữ trên mặt bàn nơi V ngồi bán sổ số điện toán gồm: 01 bảng ghi số lô, số đề; 09 tích kê (ghi con số lô, số đề bán cho khách); 01 điện thoại di động Iphone màu vàng và 01 điện thoại di động iphone màu hồng

+ Thu giữ trong ngăn kéo bàn của V: số tiền 7.170.000 đồng (bảy triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng)

- Thu giữ trên tay trái của Nguyễn Đức Th: 01 tích kê ghi các số lô, số đề do V viết; thu giữ trong ví của Th số tiền 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm ngàn).

Tại cơ quan điều tra Lê Thị V khai nhận như khai ở trên và khai ngày 27/12/2016, trước khi bị bắt V đã bán lô đề cho khoảng 10 người V không biết nhân thân và lai lịch của khách với tổng số tiền thu được là: 7.170.000 đồng, trong đó: số tiền đề là: 1.406.000 đồng; tiền lô là: 5.544.000 đồng; tiền lô xiên là: 222.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Đức Th khai nhận: Ngày 27/12/2016, Th đến gặp và thỏa thuận mua 04 số lô 85,58,86,68 mỗi số 100 điểm, mua 02 số đề 86,68 mỗi số 100.000 đồng, mua số lô xiên 3: 86-68-85 giá 100.000 đồng. Tổng số tiền Th phải trả cho V để mua các số lô đề trên là 9.100.000 đồng. V đồng ý và ghi tích kê cho Th. Khi Th vừa nhận tích kê lô đề từ V và chưa kịp thanh toán tiền thì bị bắt giữ. Tại chỗ, cơ quan điều tra thu giữ trong người Thắng số tiền 3.900.000 đồng. Th khai, Th đã mua lô đề của V 02 lần nên biết cách thức đánh bạc dưới hình thức ghi lô đề và tỷ lệ được thua mà Vinh đã thỏa thuận với người chơi do đó T biết để mua số lô đề trên thì T phải trả cho V số tiền 9.100.000 đồng. Ngày 27/12/2016 Thchỉ mang theo người số tiền 3.900.000 đồng. nhưng vẫn yêu cầu V bán cho Th các số lô đề trên với mục đích sẽ xin V cho nợ số tiền còn thiếu.

Theo bản kết luận giám định số 589/C54-P5 ngày 13/6/2018 của Tổng cục cảnh sát Viện khoa học hình sự kết luận: " chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A11 so với chữ viết, chữ số của Lê Thị V trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết ra. Đối với đối tượng tên Tuấn hiện không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra đã ra quyết định tách tài liệu liên quan đến hành vi đánh bạc của Tuấn để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với 02 chiếc điện thoại thu giữ của V, qua điều tra xác định V không dùng 02 chiếc điện thoại trên vào việc bán số lô, số đề nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho V.

Quá trình điều tra, các bị cáo Lê Thị V và Nguyễn Đức Th thừa nhận hành vi của mình như trên.

Tại bản cáo trạng số 180/CT-VKS ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Lê Thị V và Nguyễn Đức Th về tội "Đánh bạc " theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Lê Thị V và Nguyễn Đức Th như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248 năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Lê Thị V từ 20 đến 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 40 đến 44 tháng, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th từ 16 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 32 đến 36 tháng. Miễn phạt tiền đối với các bị cáo. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của các bị cáo số tiền số tiền 11.070.000 đồng. Truy thu đối với bị cáo Lê Thị V số tiền hưởng lợi 60.000 đồng ngày 26/12/2016.

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Thị V và Nguyễn Đức Th khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, các bị cáo thừa nhận ngày 27/12/2016 các bị cáo đã đánh bạc dưới hình thức lô đề với số tiền lần lượt là 16.290.000 đồng và 9.100.000 đồng. Các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn đúng hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo thấy được hành vi của mình là nguy hiểm và vi phạm pháp luật, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hoàng Mai, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân quận Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với sơ đồ hiện trường, biên bản phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, vật chứng, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Trong ngày 27/12/2016, tại số 156 Nguyễn Đ, phường TM, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, bị cáo Lê Thị V thực hiện hành vi bán số lô đề cho Nguyễn Đức Th và một số đối tượng khác với số tiền 16.290.000 đồng, trong đó số tiền Nguyễn Đức Th đánh bạc xác định là là 9.100.000 đồng. Các bị cáo là người đầy đủ năng lực hành vi, thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Do đó hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng , tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Nhân thân: Do các bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự 2015, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo theo quy định tại điều 65 Bộ luật hình sự 2015 cũng đủ giáo dục và cải tạo các bị cáo. Giao cho chính quyền và gia đình theo dõi giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Về vai trò các bị cáo: Bị cáo Lê Thị V là người thực hành chính hành vi phạm tội nên vai trò cao hơn bị cáo Nguyễn Đức Th.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, không có kinh tế riêng nên miễn phạt tiền cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 11.070.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo Lê Thị V không liên quan đến tội phạm cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của Đại diện Viện kiểm sát truy thu đối với Lê Thị V số tiền 60.000 đồng là tiền hưởng lợi ngày 26/12/2016, Hội đồng xét xử thấy rằng không đủ căn cứ xác định tội phạm xảy ra ngày 26/12/2016 nên không chấp nhận.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị V **16** (*Mười sáu)* tháng tù về tội Đánh bạc nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách **32** (*Ba mươi hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức Th **12** (*Mười hai)* tháng tù về tội Đánh bạc nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Miễn phạt tiền cho các bị cáo.

Giao các bị cáo Lê Thị V và Nguyễn Đức T cho UBND phường T, quận HM, Thành phố Hà Nội và gia đình giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Lê Thị V số tiền 7.170.000đ (*Bẩy triệu một trăm bẩy mươi nghìn đồng)* và Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Đức Th số tiền 3.900.000đ (*Ba triệu chín trăm nghìn đồng)* hiện đang nộp tại tài khoản 3949 kho bạc Nhà nước quận Hoàng Mai, theo giấy

nộp tiền vào tài khoản ngày 28/12/2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hoàng Mai, phòng giao dịch Giáp Bát.

Trong trường hợp các bị cáo Lê Thị V và Nguyễn Đức Th thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 67 luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- Công an quận Hoàng Mai;
- Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; Nhà tạm giữ CA quận HM;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Hải